

(Tăng mà đū Trung luận)

Ngài Long Thụ mà đū Trung Luận bèn ngẫm bài tăng kính lễ Đức Phật giáo lý tính duyên khởi và tch l c c a ni t bàn.

Đi đây là bài tăng mà đū, trích từ **“Trung luận. Thanh Mục thích”**, *Cu ma-la-thập (344 - 413) dịch Phạn-Hán, và Thích Thiện Siêu (2001) dịch Hán - Việt:*

Chẳng sinh cũng chẳng diệt / Chẳng thối cũng chẳng đốn / Chẳng mất cũng chẳng khác

Chẳng đốn cũng chẳng đi

Nói lên đức pháp nhân duyên

Khéo diệt trừ các thế hỷ luận

Tôi cúi đū kính lễ Phật, đã thuyết,

Nhân duyên cao nhứt trong các thuyết.

Ngài Thanh-Mục viết: “Về hai bài kệ tán thán Phật này là đã nói tóm tắt Đức Như ý nghĩa đū”.

Về bài tăng này, do ngài La Thập dịch Phạn-Hán và câu “nặng thuyết thế nhân duyên, thối n diệt thế hỷ luận” trong các bản dịch Việt, Thầy Tu Sĩ có ghi thích trong “Tu Sĩ. Huyền thoại Duy Ma Cật” như sau:

“... Cho nên, mà đū Trung luận, Long Thụ tôn kính Phật trong ý nghĩa là vđ Chính giác đã thối n x o m t cách tuy t v i tuyên b lí tính duyên khởi. Mà lí tính duyên khởi y v n không là cái diệt t n, không là sinh khởi; không là gián đốn, không là thối ng h ng; không là nh t th , không là đa thù; không t đ đ n, cũng không đi v đ đ u. Chính lí tính duyên khởi y là di u l c c a Ni t bàn, là tính ch c a m i hí luận”. (23) (Tu Sĩ, trang 263)

“Chú thích 23: MK...pratiyasamutpadam prapancopasmam sivam, duyên khởi là s tĩnh ch

của hí luận, là diu (của Niết bàn). Nhưng từ này dùng cách ví dụ duyên khởi nên đúng hơn là nói về pháp môn của duyên khởi. Hán dịch của Cưu-ma-la-thập (hạng thuyết) **nhân duyên, thí nghiệm chí hí luận**

. Vì theo ngữ pháp Hán thông thường, trong đó

thí nghiệm

(Skt. sivam: diu (của Niết bàn) đúng hơn là từ ngữ, nên câu này thường dùng để dịch Viết là: (đúng Phật nói duyên khởi, là đúng)

khéo léo

diu từ các hí luận". (Tuỳ Sơn, trang 263)

<< “Hí luận” là một thuật ngữ Phật học, có trong từng mẩu đầu Trung luận, và trong từng XVIII, 9 (bản dịch La Thập). Phật Quang Đại Tỉ thí nghiệm, bản dịch Thích Quảng Đức, ghi “Hí luận: Skt. prapanca. Nhưng lại bàn luận sai lầm, trái với chân lý, không thể làm cho thí nghiệm pháp tăng trưởng...Luận Du già sớ đưa quyển 91 ghi: Nhưng lại nói đến đến chỉ duy phân biệt một cách vô nghĩa, gọi là hí luận. Vì sao? Vì nhưng lại nói y, dù có gì gì sự tu hành, cũng không thể làm tăng thêm chút pháp lành nào, mà cũng chỉ làm giảm đi pháp ác >>. (ĐHP)

Để tìm hiểu ý nghĩa bài từng này, chúng ta hãy nhìn đến

1. Trung luận chương XXIV, từng 18, Ngài Long Thập có gì nói:

“Cái gì do duyên khởi Ta nói là tính không Tính không là gì danh Chính nó là trung đạo”
That which is dependent origination Is explained to be emptiness That, being dependent designation Is itself the middle way.

Trích từ *Ocean of Reasoning*, trang 503)

2. Ngài Long Thập cũng gì nói trong Hội tránh luận (Vigrahavyavartani), từng 71:

“Tôi kính lạy Phật vô thượng và gì nói pháp thí nghiệm rỗng Tính không, duyên khởi và Trung đạo cùng một nghĩa”. (71) *“I prostrate to the Buddha who is unparalleled, and Who has given the supreme teaching that*

Emptiness, dependent origination and

The middle path have the same meaning.

(*Ocean of Reasoning*. trang 505)

3. Ngài Long Thô trong Trung luận VII, 34 cũng giảng: “Như huyễn tượng, như chiêm bao, như thành phố tượng tượng giảng a hê không,

Cũng như thỏ, như ngà xuất hiện, tồn tại và hủy hoại đã được giảng giải”. §4)

“As illusion, as dream, as an imaginary city in the sky,/ so have arising, endurance, and destruction been illustrated”
(Nagarjuna and the Philosophy of Openness. Nancy McCagney, 1997)

4. Về như huyễn, Đức Dalai Lama thế kỷ 14 nói có hai loại như huyễn (illusion: huyễn tượng; như huyễn), một là nói đến tính không theo nghĩa là sự-sự vật-vật hiện hữu nhưng không có cái hiện hữu có tự tính (nên sự-sự vật-vật giảng như huyễn tượng), hai là mặt đối chúng (= sự-sự vật-vật) chúng có hiện hữu có tự tính (true or intrinsic existence) chúng phóng chiếu cái hiện tượng của hiện hữu có tự tính.

(Awakening the mind, Lightening the heart”, trang 228-229)

Căn cứ vào các ghi chú trên, nếu nói đến giảng đức dạy, chúng ta có thể nói: Duyên khởi = Tính Không = Trung Đạo = Như Huyễn.

Và chúng ta cũng nên nhớ thêm:

1. Trung Đạo là vượt ngoài thế gian huyễn và đời đời. Trung Đạo không phải là con đường nằm giữa thế gian huyễn và đời đời.

2. Như ngà xuất hiện, tồn tại, rồi hủy hoại đều giảng như chiêm bao -- chỉ không phải là chiêm bao.

3. Giảng danh/ giảng thiết (Skt. prajñapti. English: designation; imputation) là danh từ được đặt

ra để giải các pháp do nhân duyên hoà hợp mà có.

4. Pháp / hiện tượng (Skt. dharma. English: phenomena / events) là hiện tượng đối nội / đối ngoại / và hiện tượng trong thế giới.

Đức Dalai Lama thứ 14, trong “The Middle Way” (2009) nói,

1. Nếu chúng ta hành thiện bị hạnh và mong muốn thì nên thì việc chúng ta phải là thực hành pháp pháp -- thực hành pháp pháp là tu tập để giải thoát.

Ngài cũng dạy-- nên hiện tượng của lý tính Duyên khởi và phương diện hiện hiện (apparent aspect) giúp hiểu tình tích-tập phúc-đức (accumulate merit) và nên hiện tượng của lý tính duyên khởi và phương diện hiện trong thông /chân không diu viên /chân không diu hũ (= empty aspect) giúp hiểu tình tích-tập trí-tuệ (accumulate wisdom) (trang 27)

[trung thông = trung thông vô tính = thông viên = dung thông = vô ngại =chân không diu viên =chân không diu hũ (empty = open = free) -- thế nên có thế tích-tập trí-tuệ ---ĐHP]

2. < Đức Phật khi giảng dạy về thánh đạo, ngài dạy hai tiến trình nhân quả theo mô hình hai chi của duyên khởi. Tiến trình thứ nhất thu được và phương diện hiện của các hiện tượng, trong khi tiến trình thứ hai thu được và phương diện hiện của giác ngộ.

Trong tiến trình hiện tượng, các chi tiến hành theo thế để đưa đến nguyên nhân hiện hữu quả, và hiện hữu quả kết tiếp trở thành nguyên nhân cho hiện hữu quả kết tiếp, đi đến hiện hữu quả cuối cùng trong sáu đầu thế giới của sinh tử luân hồi.

Trong tiến trình thu được và giác ngộ, do bất cứ duyên gì (however), sáu chi mô tả các nguyên nhân đưa đến sáu chi mô tả các hiện hữu quả -mà đưa đến chi giác ngộ, lúc đó mô tả khác nhau, cho hiện hữu sinh tử luân hồi đi đến chi mô tả.

Nói một cách khác, thánh đức và khế và thánh đức và nguyên nhân của khế giải quyết sự trừ diệt của một hai chi duyên khởi, trong khi thánh đức và sự chấp nhận dứt của khế và thánh đức và con đường giải thoát miêu tả sự giải tán của một hai chi và kết quả của giải thoát (trang 29-30)>.

< Các nguyên nhân và các hiệu quả của pháp pháp dĩ nhiên nào có căn bản vô minh là gốc rễ, trong khi đó nguyên nhân và hiệu quả giác ngộ từ hành xuyên qua sự chấp nhận dứt của căn bản vô minh (trang 22)>

3. < Để lý giải thông hiệu chi thể nhất, căn bản vô minh, trong ý nghĩa vì thế nhất của nó, chúng ta phải nhìn ra được và lý giải thông hiệu nó trong trạng thái chấp nhận vào hiệu năng có tính của tất cả các hiệu năng-- gồm cả các uẩn, các giới (sense spheres), và tất cả các đối tượng ngoại -- và không chấp nhận nhận cảm thức của chúng ta về "Tôi". (trang 67) >

Và chúng ta cũng như đức ngài Tăng Triệu (384-414), trong Triệu Luận, pháp Tông Bồ đề Nghĩa cũng giải:

<< Bồ đề vô, Thế tất pháp, Pháp tánh, Tánh không, Duyên khởi, năm danh từ trên vốn chỉ có một nghĩa.

Đó chính là tông chính pháp là căn bản của Bồ đề Luận, hai chữ Bồ đề Vô chính ngay tâm thể chi diệt vốn không một pháp, là tất cả pháp, dứt bỏ Thánh phàm, nên gọi là Bồ đề Vô, chính pháp có ý làm thành vô (có nghĩa là chính pháp là hiệu năng biến thành vô, vì Bồ đề Vô này nó vượt ngoài cái có và không pháp ngoại).

Vì tất cả pháp đều do vọng tâm tùy duyên biến hiện mà có, tâm vốn vô sanh, chỉ do nhân duyên khởi hợp mà sanh nên gọi là Duyên Khởi.

Vì duyên sanh ra các pháp, vốn không có thật thể, do nhân duyên sanh ra nên nói không, nên

gọi là Tánh Không, vì pháp thế là chấp nhận bị nhận nên gọi là Pháp Tánh.

Do chấp nhận pháp tánh mà thành các pháp, chấp nhận không có tướng, nên bản thể các pháp tịch diệt, nên gọi là Thập Tịch tướng.

Vì bản vô là thế của tâm, duyên khởi là dòng của tâm, thế tịch tướng, pháp tánh, tánh không, đều là cái nghĩa do tâm tạo thành nên pháp nên nói là một nghĩa duy ...

Tại sao vậy? Thế các pháp đều do nhân duyên khởi hợp mà sanh, duyên khởi mà sanh thì khi của sanh không có, duyên là thì diệt, nếu mà thế tịch có, có thì chấp tướng diệt. Theo đó mà suy ra thì bị tịch, dù nay hiểu ra có, cái có ấy tánh tịch tướng không, vì tánh tịch tướng không, nên gọi là Tánh Không, bởi vì tánh không nên gọi Pháp Tánh, pháp tánh chân thể như thế nên gọi là Thập Tịch tướng, thế tịch tướng vốn không có tướng, chấp tướng phải do suy luận mà cho đó là không, nên gọi là Bản Vô. >>

(Trích từ Triệt Luân Luận của ngài Thích Duy Lực dịch, in trong Chư Kinh Tập Yếu, trang 470 - 471) (Chú thích: Bản Vô là thuật ngữ dịch cũ của Chân như. Phật Quang Đại Tập Diển)

Bây giờ chúng ta tìm hiểu bài tướng mà đều theo các bản dịch Anh (dịch dịch từ Phạn sang Anh)

1. Bản dịch Việt (ĐHP), theo bản Anh của K.K. Inada:

Tôi kính lễ Đức Phật Đạo sư tối thượng đã dạy Lý tính Duyên khởi Tịch diệt đời của các cấu trúc của tướng. Trong đó mọi pháp đều có thuộc tính chấp sinh, chấp diệt, chấp đoan, chấp tướng, chấp mệnh, chấp khác, chấp đản (vị hiên hựu), chấp đi (khởi hiên hựu) *I pay homage to the Fully Awakened One, the supreme teacher who has taught the doctrine of relational origination,*

the blissful cessation of all phenomenal thought constructions.

(Therein, every event is "marked" by):

non-origination, non-extinction ,

non-destruction, non-permanence,

non-identity, non-differentiation,

non-coming (into being), non-going (out of being).

(Nagarjuna: Kenneth K. Inada, 1993)

2. Bản dịch Viết (ĐHP) theo bản Anh của Nancy McCagney:

**Kính tụng Tôi kính lạy Đức Phật, Đức o sở Vô Thằng, Ngài dạy giải thoát, tĩnh ch của
các hiện tượng, duyên khởi là ;
chẳng diệt, chẳng sinh, chẳng do, chẳng th, chẳng m, chẳng khác, chẳng đ, chẳng đi.**

*Dedication I greet the best of teachers, that Awakened One, who taught liberation, the
quieting of phenomena, independent origination which is ;*

nonceasing and nonarising, nonmomentary and nonpermanent,

nonidentical and nondifferent, noncoming and nongoing.

(Nagarjuna and the Philosophy of Openness: Nancy McCagney, 1997)

Diễn giải bản dịch Viết và bản dịch Anh của Nancy McCagney:

Tôi kính lạy Đức Phật, Đức o sở Vô th, Ngài dạy

Ngài dạy

“duyên khởi là” = “duyên khởi là duyên khởi là duyên khởi” = lý tính của duyên khởi = giải thoát =
tĩnh ch của các hiện tượng.

Ngài dạy “duyên khởi là” cũng là ngài dạy chân như, pháp tánh, vì duyên khởi, chân như, pháp

tánh là cùng một nghĩa (a rose is a rose is a rose)

duyên khởi cũng là giải thoát, cũng là tính chất của các hiện tượng;

tất cả đều có tám thuộc tính: chẳng diệt, chẳng sinh, chẳng đoan, chẳng thọ, chẳng mất, chẳng khác, chẳng đốn, chẳng đi.

(Chú thích: duyên khởi cũng là hiện hữu không có tính. ĐHP)

3. Bản dịch Việt (ĐHP) từ bản dịch Anh ngữ của Jeffrey Hopkins (1996), như sau:

Tôi kính lễ Phật toàn giác Vô thọ, đã dạy: Cái gì do duyên khởi: Chẳng diệt, chẳng sinh, Chẳng đoan, chẳng thọ, chẳng đốn, Chẳng đi, chẳng khác, chẳng mất, Chẳng có các cấu trúc của thọ (chẳng có hiện hữu có tính và như nguyên đãi) và tịch tĩnh. < I bow down to the perfect Buddha, / The best of propounders, who taught / That what dependently arises / Has no cessation, no production, / No annihilation, no permanence, no coming, / No going, no difference, no sameness, / Is free of the elaborations [of inherent / Existence and of duality] and is at peace.> (Meditation on emptiness. p.162)

4. Bản dịch Việt (ĐHP) dịch từ bản dịch Anh ngữ của Geshe Ngawang Samten và J.L. Garfield (2006):

Tôi kính lễ Đức Phật Toàn Giác, Vô Thọ, tối thượng dạy rằng: Cái gì do duyên khởi đều là: Chẳng diệt, chẳng sinh, Chẳng đoan, chẳng thọ, Chẳng đốn, chẳng đi, Chẳng khác, chẳng mất, Và tịch lặng -- giải thoát cách tuyệt các cấu trúc của thọ. *I prostrate to the perfect Buddha,*
he best of all teachers, who taught that

T

That which is dependent origination is

Without cessation, without arising;

Without annihilation, without permanence;

Without coming, without going;

Without distinction, without identity

And peaceful – free from fabrication.

(Bản Anh trích từ trang 24 -- RJE TSONG KHAPA. Ocean of Reasoning. A great Commentary on Nagarjuna's Mulamadhyamakakarika.

Translated by Geshe Ngawang Samten and J.L. Garfield.(Oxford, 2006)

(RJE Tsong Khapa. Đệ nhị Hối cú a Suy lí. Đệ nhị luận giải về Căn bản Trung luận tông của Ngài Long Thọ)

Ngài Tsong Khapa đã viết “Đệ nhị Hối cú a Suy Lí. Đệ nhị luận giải về căn bản Trung luận tông của Ngài Long Thọ”. Dưới đây là vài đoạn trích để chúng ta luận giải về căn bản của Ngài về bài tông mầu diệu.

1. < Ngài Long Thọ, đệ tử sơ vĩ đệ tử của đức Phật về giáo pháp không sai lệch, mà toàn thể nội dung Trung Luận sơ giải nghĩa, chủ ý kính lễ đức Phật về giáo pháp mà nội dung không thể li cách với lý tính duyên khởi (the essence of dependent origination), và nói “Tôi kính lễ ...” để có khả năng biên tập Trung Luận. Ở đây, duyên khởi được đề cập đến bằng tám thuộc tính “bất diệt, v.v...(bất biến) là nội dung của Trung Luận. Giải thoát được đề cập đến bằng bốn thuộc tính và từ đó cách tuyển tập và tổ chức của tông này là mục đích để hiểu (p.25)>

2. < Ngài Nguyệt Xứng trong Minh cú luận (Prasannapada), nói là bài tông kính lễ này hiển lộ nội dung và mục đích để hiểu của Trung Luận. Đây là vì bài luận này trình bày duyên khởi trong trạng thái sơ khởi tám thuộc tính và giải thoát trong trạng thái từ do cách tuyển tập và tổ chức của tông này... (p.25)>

3. < “Minh cú luận”, đệ tử giải về “tổ chức tĩnh -- từ do cách tuyển tập và tổ chức của tông này” nói:

Khi một kẻ nhàn nhã tính của duyên khởi, thì chúng còn sẽ tham dự của tâm và hành động trong tâm ý (hữu tâm/ tâm hữu niệm không tham dự của tâm -- tâm trong trạng thái vô tâm/tâm vô niệm. ĐHP).

Theo “Nhập trung đạo giải thích” của Nguyệt Xứng [CHANDRAKIRTI. Madhyamakavatara –bhasya || (Auto) Commentary on the “Entrance to (Nagarjuna’s) Treatise on the Middle Way”] sẽ tham dự trong ngữ cảnh này là sẽ lang thang như khi ta nói sẽ lang thang của tâm và các biến của tâm ý (mental episodes) của nó được đề cập đến. Minh cú luận nói về điểm này:

Vì tâm niệm h u niệm là s lang thang c a tâm, nh th tính, đ do cách tuy t cái tâm niệm h u niệm đó, thì không b h u niệm hoá.

Kinh đ n nói, “Cái gì là chân lí i h u? N i nào không còn s lang thang c a tâm, ch ng còn nhu c u đ nói v i” (Kinh B tát đ ng. Bodhisattvapitaka-sutra) (p.25) >

4. < Khi ngài Nguy t X ng trích đ n b n kinh này ngài không có ý nói r ng không có tu quán (insight), nh ng ngài ch bi u th r ng s lang thang c a tâm niệm h u niệm đ ng l i (conceptual thought: niệm t ng hi n h u có t tính và nh nguyên đ i đ i. ĐHP). Ý nghĩa c a bi u t r ng gi danh quy c th t c v ch th và đ i t ng đ ng l i thì ch có nghĩa r ng gi danh v ch th và đ i t ng đ ng l i đ i v i toàn c nh c a tnh ch thi n đ nh, (vì ch th và đ i t ng là gi danh, nghĩa là h u danh vô th t , gi danh h u. ĐHP) nh ng nó không có nghĩa r ng tu quán trong tnh ch thi n đ nh và chân lí t i h u không còn là ch th và đ i t ng (Tu quán: ch th ; chân lí t i h u: đ i t ng). Đây là b i vì chuy n chúng là ch th và đ i t ng thì không là tuyên b kh ng đ nh đ i v i toàn c nh khách quan c a tu quán phân tích, nh ng đ i v i toàn c nh khách quan c a s lí h i thông hi u quy c th t c (p.26) >

5. < Vì tám thu c tính -- di t, sinh, v.v., hi n h u theo quy c th t c, chúng không th b lu n bác mà không đ c cung c p m t m nh đ tu chính (modifying phrase) trong ng c nh này, Minh cú lu n nói r ng m nh đ tu chính là **theo cái nhìn trí tu siêu vi t b t c cái gì đ o n di t thì không hi n h u** (nghĩa là b t c cái gì di t /sinh /đ o n / th ng / đ n / đ i / m t / khác thì không hi n h u . ĐHP).

Trong m t ng c nh sau, Minh cú lu n nói:

“Cái nhìn quy c th t c thì không hoà h p v i b n ch t c a đ i t ng theo cái nhìn c a trí tu siêu vi t không b nh nh m, đ do cách tuy t v i mù s ng c a vô minh”[88b]

(It is not in accordance with the nature of the object of uncontaminated wisdom free from the mists of ignorance) (p.27) >

6. < Làm thế nào để diễn đạt đúng nguyên nhân cách tùy thuộc vào tám cực đoạn (địa, sinh,...) (free from eight extremes).

Trong chương XXVI, hai tiếp cận với cuộc đời được phân biệt rõ: vòng ngậm miệng rơi vào trong sinh tử luân hồi xuyên qua vô minh và giải thoát chính mình cách tùy thuộc vào sinh tử luân hồi xuyên qua xóa bỏ vô minh.

Thế nên niệm bàn và sinh tử luân hồi, theo thế tục, hiển nhiên trong tính đặc thù hoặc không thế tục tính.

Bấy giờ bài tụng về tính không (Sunyatasaptati), tụng 64, ngài Long Thôn nói:

*“Tuyên bố khi ngưng đọng sự vật-tồn tại sinh khởi do các nhân và các duyên / trong trạng thái thế tục / là cái mà
đồng sự gọi là “vô minh”/*

Mười hai chi duyên khởi phát sinh từ đó”.(
64)

To posit things arisen through causes and conditions/

As real /

Is what the teacher calls “ ignorance”/

The twelve limbs arise from that. (64)

Và trong “Bồ đề viên dung chính luận” (Ratnavali) :

*Cũng giống như thế khi mê lầm / chấp thế tục gọi là giống như bồ đề nhúng chìm trong
trạng thái hoặc hiển nhiên hoặc không hiển nhiên /*

Nếu mê đắm, kẻ đó sẽ không đi tìm giải thoát. (I:56)

(trang 34-35) >

7. < “Bồ tát chính luận” nói:

“Thế nên, trong thế giới này mọi sự sinh và diệt có thể xuất hiện / Nhưng mọi cách thức sinh và /

diệt chỉ xảy ra trong thế giới tính (II:11)>

Ở đây và bây giờ, sẽ trang cho bài viết này có gì hay, nên chúng ta tạm thời ghi nhớ tóm tắt vài điểm về bài tiếp.

1. Duyên khởi là gì? Ngài Nguyệt Xứng trong “ Bốn điển tịch Bốn trăm bài kệ của Thánh Thiên Đề bà” / “Commentary on Aryadeva’s Four Hundred ” viết

<< Hỏi: Ngài đã nghĩ về thuyết gì vậy?

Trả lời: Tôi đã nghĩ về thuyết duyên khởi.

Hỏi: Vậy thì, ý nghĩa của duyên khởi là gì?

Trả lời: Duyên khởi có nghĩa là chúng ta có hiện tượng có tính. Nó có nghĩa là sự sinh khởi của mọi sự vật mà chúng ta có thể thấy được bên cạnh các pháp như huyễn tượng, như những ảo ảnh, như những thành phần, như những thu hút của những kẻ sống, như những mùi hương (cần thiết), như những hoá hiện, và như những chiêm bao. Nó nghĩa là tính không và vô ngã.”

(Jeffrey Hopkins. Meditation on Emptiness. p. 674)>>

2. Giáo pháp của Phật căn cứ trên những điều: thân, thọ, thức và chân đế.

Theo thân, thọ, thức, có diết, sinh, đoan, thọ, đoan, đi, mất, khác. Ngài Long Thụ có nói trong “Bảy mươi bài tụng về tính không” :

< Điều gì Phật không giảng về pháp của thân, thọ, thức là sai /

trong cách nói “cái này sinh khởi do tùy thuộc vào cái kia” (71 ab)>.

Và trong Hội tránh luận (Vigrahavyavartani):

< Nếu không chấp nhận bất cứ một quy tắc nào /

Chúng ta không thể đưa ra bất cứ một tuyên bố khẳng định nào cả (XXVIII cd) >

3. Duyên khởi không có tính. Duyên khởi và tính không có tám điều hữu: chấp nhận diết, chấp nhận sinh, chấp nhận đoan, chấp nhận thọ, đoan, đi, mất, chấp nhận khác. Mục đích tu chính để sáng tỏ bất biến này là bất biến là nhìn thấy cái nhìn thấy biết của trí tuệ siêu việt trong đời (tam ma đế)

4. Lý tính / bản chất của duyên khởi (với tám thuộc tính bất biến) cũng là giải thoát, cũng là tĩnh của các hiện tượng.

“ Không nào thấy duyên khởi thấy cái này; khổ, sinh khởi của khổ, diệt tận của khổ, và con đường giải thoát ” (Trung luận XX IV, 40)

5. < “Cái gì phát khởi do tùy thuộc vào duyên đời có của thanh tịnh và bất thanh tịnh, chúng chứng minh duyên khởi xảy ra trong trình thái có tính.”

Thế nên, trong chân đế, phiền não không hiện hữu”. (Trung luận XXIII, 2) >

6. < “Kẻ nào thấy duyên khởi thấy như thế” (He who sees pratiyasamutpada sees suchness --đến bởi Nguyệt tạng, Minh cú luận) >

7. < “Chúng ta không khẳng định rằng cái này thì hiện hữu hoặc không hiện hữu; nhưng chúng ta chứng minh rằng những cấu trúc của thế giới hiện hữu và không hiện hữu của những người khác là sai lầm; chúng ta khẳng định rằng xuyên qua sự xóa bỏ hai cấu trúc đoạn, trung đạo được an lập” (Minh cú luận 127 b) >

8. Minh cú luận (88b) trích dẫn phát biểu của Đức Phật trong kinh Nhập Lăng già:

“Tôi nói rằng sự vật tồn tại thì bất sinh nghĩa là chúng bất sinh và diệt bất diệt”.

9. Bài tụng cuối của Trung luận, Ngài Long Thô nói:

“Tôi kính lễ Gautama đấng bi / giảng pháp chân thật / pháp duyên khởi để đo lường trí tuệ của các kẻ ngu mê”.

10. Ngài Long Thô nói, trong “Ca tụng Pháp giã” (Dharmadhatustava), tụng 49:

“Giác chứng xa chứng gần / Và chứng đến chứng đi / Trú: đức thế tôn, không thế tôn / Trong mù phiền não”

Nguồn: Quán Âm Buddhist Monastery .
Đức sư hiện tại. Số 25/2012. Năm thứ 8.

Mùng Xuân Nhâm Thìn 2012.
Quán Niệm : Thích Phước Ân. Tụng Thơ kệ: Tâm Tịnh.